

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /QĐ-TTYT

Phú Thiện, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Trung Tâm Y tế huyện Phú Thiện

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-SYT ngày 14/2/2019 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung Tâm Y Tế huyện Phú Thiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-SYT ngày 30/12/2023 của Sở Y tế Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Kế toán tại tờ trình số 01/TTr-TCKT ngày 10/01/2024 của Phòng Tài chính – KT;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm y tế huyện Phú Thiện (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế toán, các Khoa, Phòng, Trạm Y tế xã, thị trấn có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Gia Lai;
- Các khoa, phòng, trạm Y tế;
- Lưu VT.



Phạm Chí Quang

Phụ lục:
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
 (Kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-TTĐT ngày 12/01/2024 của
 Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	12.258
1.1	Lệ phí	12.258
	Viện phí	1.231
	Bảo hiểm Y tế	10.997
	Khác	30
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12.258
2.1	Chi sự nghiệp Y tế.	12.258
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.258
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.950
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	13.950
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.490
1.1.1	Hệ điều trị	2.784
1.1.2	Hệ dự phòng	1.910
1.1.3	Y tế xã	6.217
1.1.4	Dân số	1.579
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.460
1.2.1	Hệ điều trị	447
1.2.2	Hệ dự phòng	
1.2.3	Y tế xã	637
1.2.4	Dân số	376
1.3	Kinh phí nhiệm vụ CCTL	-
1.3.1	Hệ điều trị	
1.3.2	Hệ dự phòng	
1.3.3	Y tế xã	
1.3.4	Dân số	